

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1272/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (đã sửa đổi, bổ sung);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 04 Mục 1, số thứ tự 01, 02, 03, 06 Mục 2 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3; *AW*
- Bộ trưởng (để bc);
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Văn phòng Bộ (để thực hiện theo dõi, đăng tải lên Cổng dịch vụ công Quốc gia);
- Cục CNTT (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Công Thông tin điện tử Cục Thuế;
- Lưu: VT, CT (VP). *AW*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*  
**Cao Anh Tuấn**

**Phụ lục**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Kèm theo Quyết định số 272/QĐ-BTC  
ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	1.011022	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Quản lý thuế	Thuế cơ sở	STT 01 Mục 2 phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính
2	1.007689	Khai thuế đối với cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế	Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Quản lý thuế	Thuế cơ sở	STT 02 Mục 2 phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính
3	1.007690	Khai thuế đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác	Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Quản lý thuế	Thuế cơ sở	STT 03 Mục 2 phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
4	1.014979	Hoàn nộp thừa các loại thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	STT 04 Mục 1 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính
5	1.011021	Khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có bất động sản cho thuê	Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	STT 06 Mục 2 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH****1. Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh  
(Mã TTHC: 1.011022)****- Trình tự thực hiện:****+ Bước 1.**

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo thông báo đầu tiên của năm đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế, khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026) theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất thì khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác trong năm theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026) theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC, lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị (kèm theo hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng) theo mẫu 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Bằng phương thức điện tử qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh): thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo thông báo đầu tiên của năm đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế: hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác là Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên trong năm 2026) theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất: hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác trong năm là Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử (kèm theo tờ khai thuế đầu tiên trong năm 2026) theo mẫu 01/BK-STK, Phụ lục Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết

bị (kèm theo hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng) theo mẫu 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Thuế cơ sở.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Lệ phí :** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mẫu số 01/CNKD theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC.*

+ Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm mẫu 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC.*

+ Phụ lục thông báo số tài khoản/Số hiệu ví điện tử mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

+ Phụ lục Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị mẫu 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý Thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



To khai  
01.CNKD.docx



Mẫu  
01.TKN-CNKD.docx



6. Mẫu số  
01.BK-STK.docx



10. Mẫu số  
01.BK-HTK.docx

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng)

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN trên doanh thu tính thuế
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN trên thu nhập tính thuế
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai các loại thuế khác (thuế TTĐB, thuế tài nguyên, thuế/phi bảo vệ môi trường)
- Trường hợp đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo lần phát sinh

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng .... năm .....

[01b] Quý .... năm .....

[01c] Lần phát sinh .....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[06.1] Mã số thuế: .....

[06.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày .... tháng .... năm.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[07.1] Mã số thuế: .....

**A. KÊ KHAI THUẾ GTGT, TNCN**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Mã Chi tiêu	Thuế GTGT				Thuế TNCN		
			Tổng doanh thu	Trong đó: doanh thu không chịu thuế GTGT	Trong đó: doanh thu chịu thuế suất 0%	Số thuế phải nộp	Doanh thu chịu thuế	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Số thuế phải nộp
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
I	Hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ có địa điểm kinh doanh cố định								

1	Trụ sở kinh doanh:								
1.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	(a)							
1.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	(b)							
1.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	(c)							
1.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	(d)							
1.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	(đ)							
1.6	Hoạt động kinh doanh	(e)							

	khác								
2	Mã địa điểm kinh doanh 1: Tên địa điểm kinh doanh 1:								
2.1									
....									
<b>II</b>	<b>Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán</b>								
	Mã địa điểm kinh doanh: Tên địa điểm kinh doanh:								
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	(a)							
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	(b)							
3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	(c)							
4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	(d)							
5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi	(d)							

	điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số								
6	Hoạt động kinh doanh khác	(e)							
<b>III</b>	<b>Hoạt động cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh</b>								
	....								
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng</b>	[18]							
<b>V</b>	<b>Số thuế được miễn</b>	[19]							
<b>VI</b>	<b>Số thuế còn phải nộp</b>	[20]							

**B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
<b>I</b>	<b>Trụ sở kinh doanh:</b>					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[21a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[21b]				
	.....	...				
<b>II</b>	<b>Mã địa điểm kinh doanh 1:</b>					
	<b>Tên địa điểm kinh doanh 1:</b>					
...	.....					
	<b>Tổng cộng:</b>	[22]				
	<b>Số thuế được miễn</b>	[23]				
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>	[24]				

**C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

ST T	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/ Hệ số K tính phí BV MT	Số thuế/phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Khai thuế tài nguyên</b>								
1	Tài nguyên C..			[25a]					(10)=(7)*(8) *(9)
2	Tài nguyên D..			[25b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[26]
	<b>Số thuế được miễn</b>								[27]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[28]
<b>II</b>	<b>Khai thuế bảo vệ môi trường</b>								
2.1	Hàng hóa E...			[29a]					(10)=(7)*(8) (9)
2.2	Hàng hóa G...			[29b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[30]
	<b>Số thuế được miễn</b>								[31]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[32]
<b>III</b>	<b>Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</b>								
3.1	Khoáng sản H...			[33a]					(10)=(7)*(8) *(9)
3.2	Khoáng sản K...			[33b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[34]
	<b>Số phí được miễn</b>								[35]
	<b>Số phí còn phải nộp</b>								[36]

**D. HỖ TRỢ TỰ ĐỘNG THÔNG TIN NỘP THUẾ**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiêu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]	[44]	[45]	[46]
...									
<b>Tổng cộng</b>			[47]						

**Bạn còn được tiếp tục trừ... đồng vào doanh thu tính thuế TNCN của kỳ tiếp theo**

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

**Ghi chú:**

TNCN: Thu nhập cá nhân

GTGT: Giá trị gia tăng

TTĐB: Tiêu thụ đặc biệt

BVMT: Bảo vệ môi trường

- Chi tiêu [01a]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng.
- Chi tiêu [01b]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.
- Chi tiêu [01c]: dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.
- Số thuế được miễn: là số tiền thuế phát sinh phải nộp được miễn theo mức quy định của Chính phủ.
- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu và số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo từng địa điểm kinh doanh.
- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu từng địa điểm kinh doanh và thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo từng địa điểm kinh doanh, tạm nộp thuế thu nhập cá nhân tại trụ sở chính.
- Chi tiêu [14]: Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân trên doanh thu tính thuế có nhiều ngành, nghề kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân khác nhau, có nhiều địa điểm kinh doanh thì được lựa chọn một (01) ngành, nghề hoặc một (01) địa điểm kinh doanh để áp

dùng mức trừ 01 tỷ đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân theo phương án có lợi nhất. Trường hợp ngành, nghề, địa điểm kinh doanh được lựa chọn chưa trừ đủ 01 tỷ đồng, cá nhân được tiếp tục lựa chọn thêm ngành, nghề, địa điểm kinh doanh khác để tiếp tục được trừ cho đến khi đủ 01 tỷ đồng.

- Chi tiêu [3.1], [3.2]... tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).

- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).



ST T	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuế GTGT				Thuế TNCN			Số tiền người nộp thuế trực tiếp nộp vào NSNN		Số tiền do tổ chức khấu trừ, nộp thay		Số thuế phải nộp thêm		Số thuế nộp thừa	
			Tổng doanh thu	Trong đó: doanh thu không chịu thuế GTGT	Trong đó: doanh thu chịu thuế suất 0%	Số thuế phải nộp	Doanh thu chịu thuế	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Số thuế phải nộp	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ có địa điểm kinh doanh cố định	[08]															
1.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[08a]															
1.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[08b]															
1.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[08c]															
1.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[08d]															
1.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim	[08e]															



5	Số thuế được miễn	[12]															
6	Số thuế còn phải nộp	[13]															

### B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
<b>I</b>	<b>Trụ sở kinh doanh:</b>					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[14a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[14b]				
		...				
<b>II</b>	<b>Mã địa điểm kinh doanh 1:</b>					
	<b>Tên địa điểm kinh doanh 1:</b>					
...	.....					
	<b>Tổng cộng:</b>	[15]				
	<b>Số thuế được miễn</b>	[16]				
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>	[17]				

**C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phi phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Khai thuế tài nguyên</b>								
1	Tài nguyên C..			[18a]					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			[18b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[19]
	<b>Số thuế được miễn</b>								[20]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[21]
<b>II</b>	<b>Khai thuế bảo vệ môi trường</b>								
2.1	Hàng hóa E...			[22a]					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			[22b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[23]

	<b>Số thuế được miễn</b>								[24]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[25]
<b>III</b>	<b>Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</b>								
3.1	Khoáng sản X...			[26a]					(10)=(7)*(8)*(9)
3.2	Khoáng sản Y...			[26b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[27]
	<b>Số phí được miễn</b>								[28]
	<b>Số phí còn phải nộp</b>								[29]

**D. HỒ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiêu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]
...									
		<b>Tổng cộng</b>	[40]						

**E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA**

[41] Đề nghị hoàn trả:

[41.1] Số thuế GTGT: .....

RP

[41.2] Số thuế TNCN: .....

[41.3] Tổng cộng: .....

[42] Hình thức hoàn trả:

[43]  Chuyển khoản.

[43.1] Tên chủ tài khoản: .....

[43.2] Tài khoản số: ..... [43.3] Tại Ngân hàng/KBNN: .....

[44]  Tiền mặt.

[44.1] Tên người nhận tiền: .....

[44.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: ..... [44.3] Ngày cấp:...../...../..... [44.4] Nơi cấp: .....

[44.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước .....

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nợ thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiểm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiêu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57]=[55]-[56]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)***Ghi chú:**

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chi tiêu [3.1], [3.2]... tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/ND-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

## THÔNG BÁO SỐ TÀI KHOẢN/SỐ HIỆU VÍ ĐIỆN TỬ

[01] Người nộp thuế: .....

[02] Mã số thuế: .....

Thông báo về số tài khoản ngân hàng/số hiệu ví điện tử liên quan đến sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh như sau:

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Mã địa điểm kinh doanh	Số tài khoản ngân hàng/Số hiệu ví điện tử	Tên chủ tài khoản	Mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Trạng thái tài khoản (đóng/khai lần đầu/thay đổi thông tin)
[03]	[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]
	...					
	...					

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

**Mẫu số: 01/BK-HTK**  
(Kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC  
ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ HÀNG TỒN KHO, MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
CỦA HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH**

*(Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 có mức doanh thu từ 3 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân trên thu nhập tính thuế)*

[01] Tên người nộp thuế: .....

[02] Mã số thuế: .....

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Hàng tồn kho, máy móc, thiết bị	Đơn vị tính của hàng tồn kho, máy móc, thiết bị	Tồn kho tại ngày 31/12/2025	
			Số lượng	Giá trị
[03]	[04]	[05]	[06]	[07]
<b>I</b>	<b>HÀNG HÓA, SẢN PHẨM TỒN KHO</b>			
1	Hàng hóa A/ Nhóm hàng hóa X			
2	Sản phẩm B/ Nhóm sản phẩm Y			
	.....			
	<b>Tổng cộng</b>		[08]	[09]
<b>II</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b>			
1	...			
2	...			
	<b>Tổng cộng</b>		[10]	[11]
	<b>Tổng cộng</b>		[12]	[13]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

## **2. Khai thuế đối với cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế**

**(Mã TTHC: 1.007689)**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế (áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản trừ hoạt động kinh doanh lưu trú trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế) theo mẫu số 01/BĐS và Phụ lục bảng kê chi tiết bất động sản mẫu số 01/BK-BĐS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Bằng phương thức điện tử qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ gồm: Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản theo mẫu số 01/BĐS ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và Phụ lục bảng kê chi tiết bất động sản mẫu số 01/BK-BĐS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Thuế cơ sở.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản theo mẫu số 01/BDS ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* và Phụ lục bảng kê chi tiết bất động sản mẫu số 01/BK-BDS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý Thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ *Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;*

+ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

+ *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;*

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 46/2024/TT-BTC, ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều

của thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



To khai  
01.BDS.docx



9.1. Mẫu số  
01.BK-BDS.docx

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ**  
**ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN**

*(Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản từ hoạt động kinh doanh lưu trú trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)*

- Cá nhân cho thuê bất động sản thông báo doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống
- Cá nhân cho thuê bất động sản có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng
- Cho phép điều chỉnh, bổ sung các tờ khai cùng kỳ đã kê khai theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Thông tư số 18/2026/TT-BTC

[01] Kỳ tính thuế:            [01a] 6 tháng đầu năm  
   [01b] 6 tháng cuối năm  
   [01c] Năm .....

[02] Lần đầu:             [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Số tài khoản ngân hàng/Số hiệu ví điện tử: .....

[06.1] Tên chủ tài khoản: .....

[06.2] Mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: .....

[07] Mã địa điểm kinh doanh nơi nộp tờ khai: .....

[07.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

[07.2] Xã/phường/đặc khu:.....

[07.3] Tỉnh/TP:.....

[08] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[08.1] Mã số thuế: .....

[08.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày ..... tháng ..... năm.....

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[09.1] Mã số thuế: .....

**A. KÊ KHAI THUẾ GTGT, TNCN***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[10]	
2	Doanh thu tính thuế TNCN được trừ	[11]	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp [12] = [10] x 5%	[12]	
6	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ [13] = ([10] – [11]) x 5%	[13]	
7	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng (nếu có)	[14]	
8	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có) [15] = [14] x 5%	[15]	
9	Tổng số thuế TNCN phải nộp [16] = [13] + [15]	[16]	
10	Số thuế TNCN được miễn	[17]	
11	Số thuế TNCN còn phải nộp	[18]	
12	Tổng số thuế còn phải nộp [19] = [12] + [18]	[19]	

*(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)***B. HỒ TRỢ TỰ ĐỘNG THÔNG TIN NỘP THUẾ***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]
1									
...									
Tổng cộng			[30]						

**Người nộp thuế còn được tiếp tục trừ... đồng vào doanh thu tính thuế TNCN của kỳ tiếp theo.**

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

....., ngày ... tháng ... năm .....

Họ và tên: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số: .....

(Ký, ghi rõ họ tên/Ký điện tử)

---

**Ghi chú:**

- Chi tiêu [06], [06.1], [06.2]: khai một lần khi cá nhân chưa gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử với cơ quan thuế hoặc hợp đồng cho thuê bất động sản chưa có thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử.
- Chi tiêu [08]: Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự (không bao gồm trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân).
- Cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố, thực hiện khai thuế tổng hợp chung cho các bất động sản trên một (01) hồ sơ khai thuế và lựa chọn một (01) cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê để nộp hồ sơ khai thuế (trừ trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay). Cá nhân thực hiện kê khai doanh thu, số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp và nộp thuế theo từng địa điểm nơi có bất động sản cho thuê

**Phụ lục**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ**  
 (Kèm theo tờ khai 01/BDS áp dụng đối với trường hợp cá nhân khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản)

[01] Người nộp thuế: .....

[02] Mã số thuế: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Địa chỉ bất động sản cho thuê			Thông tin hợp đồng cho thuê		Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Tiền phạt tiền bồi thường	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế TNCN phải nộp
	Địa chỉ	Xã/phường /đặc khu	Tỉnh/ TP	Tổng giá trị hợp đồng	Thời gian cho thuê của hợp đồng					
[03]	[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]=[09]x5%	[13]=[09]-[10]+[11]x5%
1					.../.../...-.../.../...					
					....					
<b>Tổng cộng</b>				[14]		[15]	[16]	[17]	[18]	[19]
<b>Số thuế TNCN được miễn</b>										[20]
<b>Số thuế còn phải nộp</b>									[21]	[22]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

### **3. Khai thuế đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác**

**(Mã TTHC: 1.007690)**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm thực hiện kê khai tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC.*

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Bằng phương thức điện tử qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ gồm: Tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Thuế cơ sở.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Phí, lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC.*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý Thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ *Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;*

+ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

+ *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;*

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 46/2024/TT-BTC, ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



Mẫu  
01.TKN-CNKD.docx





	số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số																
1.6	Hoạt động kinh doanh khác	[08g]															
2	<b>Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác</b>	[09]															
2.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[09a]															
2.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[09b]															
2.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[09c]															
2.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[09d]															
2.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[09e]															
2.6	Hoạt động kinh doanh khác	[09g]															
3	<b>Hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp</b>	[10]															
4	<b>Tổng cộng</b>	[11]															

5	Số thuế được miễn	[12]														
6	Số thuế còn phải nộp	[13]														

### B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
<b>I</b>	<b>Trụ sở kinh doanh:</b>					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[14a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[14b]				
		...				
<b>II</b>	<b>Mã địa điểm kinh doanh 1:</b>					
	<b>Tên địa điểm kinh doanh 1:</b>					
...	.....					
	<b>Tổng cộng:</b>	[15]				
	<b>Số thuế được miễn</b>	[16]				
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>	[17]				

## C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phi phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Khai thuế tài nguyên</b>								
1	Tài nguyên C..			[18a]					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			[18b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[19]
	<b>Số thuế được miễn</b>								[20]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[21]
<b>II</b>	<b>Khai thuế bảo vệ môi trường</b>								
2.1	Hàng hóa E...			[22a]					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			[22b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[23]

HP

	Số thuế được miễn								[24]
	Số thuế còn phải nộp								[25]
<b>III</b>	<b>Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</b>								
3.1	Khoáng sản X...			[26a]					(10)=(7)*(8)*(9)
3.2	Khoáng sản Y...			[26b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[27]
	<b>Số phí được miễn</b>								[28]
	<b>Số phí còn phải nộp</b>								[29]

**D. HỖ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]
...									
		<b>Tổng cộng</b>	[40]						

**E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA**

[41] Đề nghị hoàn trả:

[41.1] Số thuế GTGT: .....

[41.2] Số thuế TNCN: .....

[41.3] Tổng cộng: .....

[42] Hình thức hoàn trả:

[43]  Chuyển khoản.

[43.1] Tên chủ tài khoản: .....

[43.2] Tài khoản số: ..... [43.3] Tại Ngân hàng/KBNN: .....

[44]  Tiền mặt.

[44.1] Tên người nhận tiền: .....

[44.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: ..... [44.3] Ngày cấp: ...../...../..... [44.4] Nơi cấp: .....

[44.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước .....

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nợ thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57]=[55]-[56]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)*

---

**Ghi chú:**

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chi tiêu [3.1], [3.2]...tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

#### **4. Hoàn nộp thừa các loại thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

**(Mã TTHC: 1.014979)**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:**

+ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC*.

+ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa theo mẫu số 02/TNCN-CNKD-QTT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

**Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế:**

+ Đề nghị hoàn thuế bằng hồ sơ giấy

Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế bằng giấy tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, công chức thuế kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức thuế đề nghị người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, công chức thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ cho người nộp thuế và ghi sổ nhận hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế gửi hồ sơ qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ và ghi sổ hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT hoặc Thông báo về việc hồ sơ không đúng thủ tục theo mẫu số 03/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC đối với hồ sơ gửi qua đường bưu chính.

+ Đề nghị hoàn thuế bằng hồ sơ điện tử

Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của ngành thuế; hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của ngành thuế; hoặc Công dịch vụ công quốc gia gửi thông báo tiếp nhận hoặc thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ điện tử của người nộp thuế.

+ Kiểm tra để chấp nhận hồ sơ:

++ Hồ sơ được chấp nhận/không chấp nhận: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho người nộp thuế.

++ Hồ sơ không đúng thủ tục: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc hồ sơ không đúng thủ tục theo mẫu số 03/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Bước 3: Giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa

Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, cơ quan thuế gửi người nộp thuế Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, cơ quan thuế lập Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế gửi người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan thuế.

Hết thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế; hoặc có văn bản giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng thì cơ quan thuế chuyển hồ sơ hoàn thuế sang diện kiểm tra trước hoàn thuế và gửi Thông báo về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước hoàn thuế theo mẫu số 05/TB-HT ban hành kèm

theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho người nộp thuế trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận hồ sơ hoàn thuế.

Bước 4: Cơ quan thuế trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế:

Cơ quan thuế ban hành:

+ Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả theo mẫu số 01/PL-HTNT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ.

+ Hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả mẫu số 01/PL-HTNT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ 01/PL-BT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp người nộp thuế còn tiền thuế nợ hoặc người nộp thuế đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của người nộp thuế khác.

+ Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp hồ sơ không thuộc diện được hoàn thuế.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ theo Điều 5 và Danh mục mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC, *Thông tư số 50/2026/TT-BTC* gồm:

++ Tờ khai thuế mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế.

++ Tờ khai thuế mẫu số 02/TNCN-CNKD-QTT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất.

++ Các tài liệu kèm theo (nếu có);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước: Chậm nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

+ Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế: Chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT.

++ Trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ:

+++ Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐHT.

+++ Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả 01/PL-HTNT.

++ Trường hợp người nộp thuế còn tiền thuế nợ hoặc người nộp thuế đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của người nộp thuế khác:

+++ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT.

+++ Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả 01/PL-HTNT.

+++ Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT.

- **Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai thuế mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC* đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế.

+ Tờ khai thuế mẫu số 02/TNCN-CNKD-QTT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Quản lý Thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ *Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;*

+ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

+ *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;*

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 46/2024/TT-BTC, ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số

126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



Mẫu

01.TKN-CNKD.docx



5. Mẫu số

02.CNKD-TNCN-QTT.





	số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số																
1.6	Hoạt động kinh doanh khác	[08g]															
2	<b>Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác</b>	[09]															
2.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[09a]															
2.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[09b]															
2.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[09c]															
2.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[09d]															
2.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[09e]															
2.6	Hoạt động kinh doanh khác	[09g]															
3	<b>Hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp</b>	[10]															
4	<b>Tổng cộng</b>	[11]															

5	Số thuế được miễn	[12]														
6	Số thuế còn phải nộp	[13]														

### B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
<b>I</b>	<b>Trụ sở kinh doanh:</b>					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	[14a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[14b]				
		...				
<b>II</b>	<b>Mã địa điểm kinh doanh 1:</b>					
	<b>Tên địa điểm kinh doanh 1:</b>					
...	.....					
	<b>Tổng cộng:</b>	[15]				
	<b>Số thuế được miễn</b>	[16]				
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>	[17]				

## C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Khai thuế tài nguyên</b>								
1	Tài nguyên C..			[18a]					$(10)=(7)*(8)*(9)$
2	Tài nguyên D..			[18b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[19]
	<b>Số thuế được miễn</b>								[20]
	<b>Số thuế còn phải nộp</b>								[21]
<b>II</b>	<b>Khai thuế bảo vệ môi trường</b>								
2.1	Hàng hóa E...			[22a]					$(10)=(7)*(8)$
2.2	Hàng hóa G...			[22b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[23]

	Số thuế được miễn								[24]
	Số thuế còn phải nộp								[25]
<b>III</b>	<b>Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</b>								
3.1	Khoáng sản X...			[26a]					(10)=(7)*(8)*(9)
3.2	Khoáng sản Y...			[26b]					
	.....								
	<b>Tổng cộng</b>								[27]
	<b>Số phí được miễn</b>								[28]
	<b>Số phí còn phải nộp</b>								[29]

**D. HỖ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]
...									
		<b>Tổng cộng</b>	[40]						

**E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA**

[41] Đề nghị hoàn trả:

[41.1] Số thuế GTGT: .....

[41.2] Số thuế TNCN: .....

[41.3] Tổng cộng: .....

[42] Hình thức hoàn trả:

[43]  Chuyển khoản.

[43.1] Tên chủ tài khoản: .....

[43.2] Tài khoản số: ..... [43.3] Tại Ngân hàng/KBNN: .....

[44]  Tiền mặt.

[44.1] Tên người nhận tiền: .....

[44.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: ..... [44.3] Ngày cấp:...../...../..... [44.4] Nơi cấp: .....

[44.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước .....

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nợ thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiêu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57]=[55]-[56]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)***Ghi chú:**

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chi tiêu [3.1], [3.2]...tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Mẫu số: 02/CNKD-TNCN-QTT  
(Kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC  
ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

(Áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân trên thu nhập  
tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

[06.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

[06.2] Xã/phường/đặc khu: .....

[06.3] Tỉnh/TP:.....

[07] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[07.1] Mã số thuế: .....

[07.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

[08] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[08.1] Mã số thuế: .....

**A. KÊ KHAI THÔNG TIN TÍNH THUẾ**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ [09]= [09a]+[09b]+[09c]	[09]	
1.1	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh không bao gồm các hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMDT, nền tảng số	[09a]	
1.2	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMDT, nền tảng số đã được khấu trừ, nộp thay	[09b]	

1.3	<i>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMDT, nền tảng số không có chức năng thanh toán trực tiếp</i>	[09c]	
2	Các khoản chi được trừ [10]= [10a]+ [10b]+ [10c]+ [10d]+ [10d]+ [10e]	[10]	
2.1	<i>Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.</i>	[10a]	
2.2	<i>Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng.</i>	[10b]	
2.3	<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (nếu có).</i>	[10c]	
2.4	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng.</i>	[10d]	
2.5	<i>Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự.</i>	[10d]	
2.6	<i>Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh...</i>	[10e]	
3	Thu nhập tính thuế [11]=[09]-[10]	[11]	
4	Thuế suất	[12]	
5	Số thuế TNCN phát sinh trong kỳ [13] = [11]x[12]	[13]	
6	Số thuế TNCN đã khấu trừ	[14]	
7	Số thuế TNCN đã tạm nộp trong năm	[15]	
9	Số thuế TNCN phải nộp [16] = [13]-[14]-[15]>=0	[16]	
10	Số thuế được miễn	[17]	
11	Số thuế TNCN còn phải nộp	[18]	
12	Số thuế TNCN nộp thừa [19] = [13]-[14]-[15]<0	[19]	
13	Số thuế đề nghị hoàn trả cho người nộp thuế	[20]	
14	Số thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[21]	

## B. VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]
	Hàng tồn kho				
	<b>Tổng cộng</b>	[28]	[29]	[30]	[31]

**C. HỖ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]
1								
...								
<b>Tổng cộng</b>		[41]						

**D. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA**

[42] Hình thức hoàn trả:

[43]  Chuyển khoản.

[43.1] Tên chủ tài khoản: .....

[43.2] Số tài khoản:..... [43.3] Tại Ngân hàng/KBNN: .....

[44]  Tiền mặt.

[44.1] Tên người nhận tiền: .....

[44.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: .....

[44.3] Ngày cấp:...../...../..... [44.4] Nơi cấp:.....

[44.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước .....

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

	<b>Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh</b>		
--	---	--	--

ST T	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/ phát sinh	Chương	Tiểu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp	Số tiền còn phải nộp để nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57] = [55]- [56]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

**Ghi chú:**

- TMĐT: thương mại điện tử

- ĐBHC: địa bàn hành chính

- Số thuế được miễn: là số tiền thuế phát sinh phải nộp được miễn theo mức quy định của Chính phủ.

## **5. Khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có bất động sản cho thuê**

**(Mã TTHC: 1.011021)**

### **Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1.

Đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú là Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC và Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung* Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Bằng phương thức điện tử qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ gồm:*

++ Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

++ Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung* Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

++ Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

++ Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBDS ban hành kèm theo *Thông tư số 50/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung* Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý Thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ *Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;*

+ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ *Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;*

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 46/2024/TT-BTC, ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2021/TT-

BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



7. Mẫu số  
01.TCKT.docx



Bảng kê 02  
BK-KTBDS.doc

HP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ CỦA TỔ CHỨC KHAI THAY**

(Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức;  
tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản)

- Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức  
 Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng .... năm .....  
[01b] Quý .... năm .....  
[01c] Lần phát sinh .....

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:....

- [04] Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật quản lý thuế: .....  
[04.1] Mã số thuế: .....  
[04.2] Điện thoại: ..... [04.3] Email: .....  
[05] Tên đại lý thuế (nếu có): .....  
[05.1] Mã số thuế: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
<b>I</b>	<b>Khai thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh</b>	<b>[06]</b>	
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[07]	
2	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[08]	
<b>II</b>	<b>Khai thuế thay cá nhân cho thuê bất động sản</b>	<b>[09]</b>	
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[10]	
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp	[11]	
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[12]	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

....., ngày ... tháng ... năm .....

Họ và tên: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số: .....

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

---

**Ghi chú:**

- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân hợp tác kinh doanh thuộc trường hợp kê khai, nộp thuế GTGT theo tháng thì chọn kỳ tính thuế của tháng có phát sinh thanh toán tiền cho cá nhân.
- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân hợp tác kinh doanh thuộc trường hợp kê khai, nộp thuế GTGT theo quý thì chọn kỳ tính thuế của quý có phát sinh thanh toán tiền cho cá nhân.
- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân cho thuê bất động sản thì thời hạn khai thuế xác định theo kỳ thanh toán. Trường hợp có nhiều kỳ thanh toán trong tháng thì khai theo tháng.
- Chi tiêu [01c]: áp dụng cho trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản khai thuế lần phát sinh theo kỳ thanh toán trên hợp đồng.
- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh thì sử dụng mã số thuế nộp thay được cấp theo quy định tại Thông tư về đăng ký thuế và hồ sơ khai thuế nộp tại cơ quan thuế quản lý tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay.
- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản thì sử dụng mã số thuế của tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay và hồ sơ khai thuế được nộp tại cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê.

**Phụ lục**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN**  
 (Kèm theo tờ khai 01/TCKT áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản)

[01] Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật quản lý thuế: .....

[02] Mã số thuế: .....

[03] Địa chỉ nơi có bất động sản cho thuê: .....

[03.1] Xã/phường/đặc khu:.....

[03.2] Tỉnh/TP: .....

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Họ tên bên cho thuê bất động sản	Mã số thuế/Số định danh cá nhân của bên cho thuê bất động sản	Địa chỉ bất động sản cho thuê (Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn)	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Cá nhân thuộc diện không phải nộp thuế	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế TNCN phải nộp
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]=[08]x5%	[12]=([08]-[09])x5%
1						<input type="checkbox"/>		
...						<input type="checkbox"/>		
<b>Tổng cộng</b>				[13]	[14]		[15]	[16]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

**Ghi chú:**

*Chi tiêu [09]: Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau và có quy định bên đi thuê khai thay, nộp thay thuế, khi lựa chọn hợp đồng cho thuê bất động sản để áp dụng mức được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cho thuê bất động sản và bên thuê phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê bất động sản nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản có quy định khai thay, nộp thay nhưng chưa trừ đủ 01 tỷ đồng thì cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để tiếp tục được trừ cho đến khi trừ đủ 01 tỷ đồng.*

*- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều bất động sản cho thuê thì lập tờ khai theo từng địa bàn xã/phường/đặc khu nơi có bất động sản cho thuê.*

*ff*